

Số: **4935**/UBND-NNTN

Quảng Ngãi, ngày **25** tháng 9 năm 2015

V/v báo cáo tình hình thực
hiện công tác bảo tồn đa
dạng sinh học theo Quyết
định số 1250/QĐ-TTg
của Thủ tướng Chính phủ

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số:..... 7331
	Ngày: 28/9/15
	Chuyên:.....

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Thực hiện chỉ đạo của Ban Chỉ đạo thực hiện chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 tại Công văn số 01/BCĐ ngày 29/6/2015 về việc báo cáo tình hình thực hiện công tác bảo tồn đa dạng sinh học theo Quyết định số 1250/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo cụ thể như sau:

I. Tổng quan về hiện trạng đa dạng sinh học của tỉnh Quảng Ngãi

Quảng Ngãi là tỉnh có diện tích không lớn nhưng do địa thế chủ yếu là núi đồi, dải đồng bằng hẹp, với địa hình nghiêng từ Tây sang Đông, tiếp giáp biển Đông với bờ biển dài, vùng biển rộng nhiều hải đảo do vậy trên địa bàn tỉnh có nhiều hệ sinh thái với các đặc trưng khác nhau về yếu tố môi trường tự nhiên, tạo nên tính đa dạng sinh học cao.

Rừng Quảng Ngãi hiện tại chủ yếu là rừng trung bình và rừng nghèo hoặc rừng tái sinh; chỉ có một số diện tích rừng nguyên sinh và rừng già thứ sinh (rừng giàu) ít bị tác động của con người phân bố ở vùng núi cao, độ dốc lớn. Ngoài diện tích rừng phân bố ở vùng rừng núi phía tây của tỉnh, còn có một số rừng ngập mặn phân bố ở vùng bờ biển. Rừng tự nhiên của Quảng Ngãi tuy diện tích không nhiều nhưng vẫn đảm bảo tính đa dạng về kiểu rừng và sự phong phú về loài thực vật. Vùng biển Quảng Ngãi có trên 100 loài thủy sản, nhiều loài có giá trị kinh tế cao.

Hiện nay chưa có số liệu thống kê về hiện trạng đa dạng sinh học trong tỉnh nhưng sự suy giảm rừng, ô nhiễm môi trường và khai thác tài nguyên đang gây ra các tác hại lớn đến môi trường sinh học và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh là xu hướng rất rõ rệt.

II. Những nguyên nhân cơ bản làm suy giảm đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Do tác động của quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, đô thị hóa, phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng sinh thái trong tỉnh trong 20 năm gần đây diện tích rừng tự nhiên và thảm thực vật trong tỉnh bị suy giảm rõ rệt; nguồn lợi thủy sản bị đánh bắt không kiểm soát, ô nhiễm môi trường không khí, nước, đất ngày càng tăng... do vậy các hệ sinh thái tự nhiên bị tác hại nặng nề.

III. Những kết quả đạt được trong công tác bảo tồn đa dạng sinh học

1. Cơ cấu tổ chức các cơ quan quản lý nhà nước về ĐDSH ở địa phương: Hiện nay tỉnh Quảng Ngãi chưa thành lập Ban Chỉ đạo liên ngành về ĐDSH

2. Hệ thống văn bản và chính sách ở địa phương: Trong thời qua, tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo sau:

- Quyết định số 747/QĐ-UBND ngày 29/5/2013 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch ngăn ngừa và kiểm soát sinh vật ngoại lai xâm hại ở tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020.

- Công văn số 975/UBND-NNNT ngày 24/3/2014 của UBND tỉnh về việc tăng cường chỉ đạo và thực hiện các biện pháp kiểm soát, bảo tồn các loài động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm.

- Công văn số 3295/UBND-NNNT ngày 30/7/2014 của UBND tỉnh về việc tăng cường ngăn chặn hoạt động thu mua các giống cây trồng quý hiếm của tư thương nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

3. Nguồn lực cho bảo tồn đa dạng sinh học: Ngân sách cho công tác bảo tồn từ các nguồn sự nghiệp môi trường, khoa học công nghệ, đầu tư, kinh tế, hành chính.

4. Những kết quả khác

Tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu duy trì, nhân giống, phục tráng các nguồn gen cây trồng như: Gen lúa rẫy, Nếp Ngự, Tỏi Lý Sơn; thuần chủng các nguồn gen vật nuôi như: Gà Hre, Lợn Kiêng Sát bản địa; hiện Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang triển khai thực hiện dự án nghiên cứu, bảo tồn nguồn gen giống cây Quế bản địa Trà Bồng và đánh giá kết quả bảo tồn.

Trong năm 2015, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện lập Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Nhiệm vụ này sẽ được hoàn thành vào cuối năm 2016.

Công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo tồn ĐDSH tại Quảng Ngãi được các ngành, các cấp quan tâm bằng nhiều hình thức tuyên truyền như: Panô, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu, trên phương tiện thông tin đại chúng, tuyên truyền lưu động, phát tờ rơi, ký cam kết bảo vệ rừng, thông qua các buổi họp dân...

5. Những tồn tại và thách thức

Việc khai thác gỗ vườn, gỗ rừng trồng của hộ gia đình, cá nhân, các tổ chức, doanh nghiệp; khai thác gỗ trái phép của các lâm tặc; tập quán sinh hoạt của người dân đốt rừng làm nương rẫy, khai thác các sản phẩm ngoài gỗ; khai thác quá mức thủy sinh vật, săn bắt, buôn bán động thực vật, thực vật hoang dã quý hiếm; chuyển đổi mục đích sử dụng đất đặc biệt là từ rừng tự nhiên sang rừng sản xuất, chuyển đổi diện tích rừng ngập mặn thành các khu nuôi

trồng thủy sản, khai thác quá mức nguồn lợi tự nhiên, cháy rừng; dùng thuốc bảo vệ thực vật không có nguồn gốc rõ ràng, không được kiểm soát đã góp phần làm suy thoái các quần thể chim và côn trùng. Hơn nữa, sự gia tăng dân số, di dân và đời sống nhân dân còn khó khăn nên đã nuôi trồng các loài sinh vật ngoại lai xâm hại; việc xây dựng cơ sở vật chất phát triển kinh tế địa phương, xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, khu dân cư, cụm công nghiệp, bảo lụt gây sạt lở ... cũng góp phần dẫn đến việc suy giảm đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh.

IV. Định hướng công tác bảo tồn đa dạng sinh học trong thời gian tới

1. Tạo chuyển biến mạnh mẽ về ý thức trách nhiệm của các cơ quan quản lý và cộng đồng trong bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học.

2. Hoàn thiện pháp luật, thể chế quản lý, tăng cường năng lực thực thi pháp luật về đa dạng sinh học.

3. Đẩy mạnh lồng ghép nội dung về bảo tồn đa dạng sinh học trong hoạch định chính sách. Thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học.

4. Tăng cường nguồn lực tài chính cho bảo tồn đa dạng sinh học. Tăng cường hội nhập và hợp tác quốc tế về bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học.

Trong đó, ưu tiên nâng cao nhận thức về bảo vệ hệ sinh thái, môi trường sinh thái và nâng cao đời sống cho người dân. Tăng cường nguồn lực bảo vệ rừng, bảo vệ các động vật hoang dã, nguy cấp, quý hiếm, bảo tồn đa dạng sinh học. Xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ngãi; hoàn tất việc lập Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, trên cơ sở đó triển khai các nhiệm vụ tiếp theo để thực hiện Quy hoạch.

V. Kết luận, kiến nghị

Để bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học, UBND tỉnh Quảng Ngãi kiến nghị một số nội dung sau:

1. Tăng cường ngân sách cho công tác bảo tồn từ các nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường, khoa học công nghệ, đầu tư, kinh tế, hành chính. Tăng cường số lượng cũng như chất lượng đội ngũ cán bộ kiểm lâm; tăng cường nguồn nhân lực cho công tác bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ các khu rừng nguyên sinh; tăng cường phát triển du lịch sinh thái;...

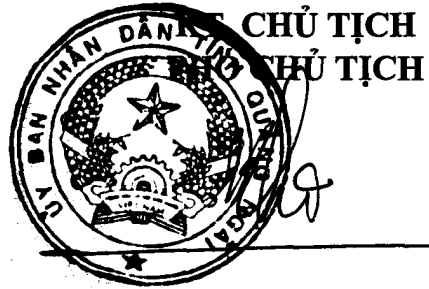
2. Nhà nước cần có những chính sách lớn nhằm ổn định và nâng cao đời sống người dân sống ở những vùng có hệ sinh thái cần bảo tồn để người dân góp phần vào việc bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên đa dạng sinh học nhằm mang lại lợi ích thiết yếu cho họ và đóng góp quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trên đây là báo cáo của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc báo cáo tình hình thực hiện công tác bảo tồn đa dạng sinh học theo Quyết định số

1250/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (đính kèm bảng tổng hợp chỉ thị/thông số), kính đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, tổng hợp./.

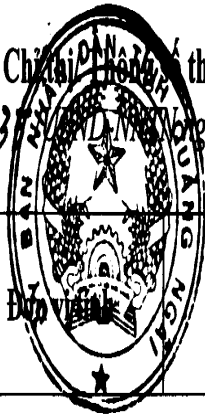
Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT(NL) UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP(NL), CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN(TV862).



Phạm Trường Thọ

Biểu 1- Chỉ thị/Thông số thu thập tại cấp tỉnh
 (Kèm theo Công văn số 4937/UBND-ĐT ngày 25/9/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



STT	Chỉ thị/thông số	Đơn vị tính	Diễn giải	Cấp thực hiện	Kỳ công bố	Nguồn số liệu
Chỉ thị/thông số hiện trạng						
3	Diện tích rừng	Ha		Tỉnh	2014	Sở NN&PTNT
	- Tổng diện tích		294,116.12			
	- Tỷ lệ che phủ rừng	%	49.81			
	- Diện tích rừng tự nhiên	Ha	109,196.12			
	- Diện tích rừng trồng mới tập trung	Ha	37,499.28			
	- Diện tích rừng được KNBV	Ha	95.45			
- Tổng diện tích rừng ngập mặn	Ha	53.54				
7	Tình trạng nguy cấp, quý, hiếm bị đe dọa tuyệt chủng theo Nghị định 160/2013/NĐ-CP (số cá thể, tần xuất bắt gặp/ xuất hiện)	9 loài, gồm:	Tình trạng nguy cấp	Tỉnh	2014	Sở NN&PTNT
	- Tình trạng loài nguy cấp, quý hiếm, đe dọa tuyệt chủng	- 1 loài thực vật (Lan kim tuyến)				
		- 1 loài lưỡng cư (Ếch cây sần Taylo)				
		- 7 loài linh trưởng				
8	Số lượng nguồn gen được kiểm kê, lưu giữ và bảo tồn					
	- Xây dựng nguồn vật liệu di truyền vườn cây đầu dòng:	3 loài	+ Nhân giống vô tính Bưởi da xanh; + Nhân giống vô tính Sầu riêng hạt lép; + Nhân giống vô tính Chôm chôm tróc (Java)	Tỉnh		Sở NN&PTNT

	- Nghiên cứu, bảo tồn nguồn gen giống cây Quế bản địa Trà Bồng tỉnh Quảng Ngãi và đánh giá kết quả bảo tồn.	1 loài	+ Điều tra tuyển chọn cây giống quế bản địa. + Nhân giống quế bản địa Trà Bồng; + Xây dựng vườn/rừng giống quế bản địa TB			
9	Số lượng cây trồng, vật nuôi được bảo tồn trong trang trại.	3 loài cây trồng;	+ Duy trì nguồn gen chịu hạn của lúa rẫy; + Hỗ trợ nhân giống Nếp ngự; + Hỗ trợ mô hình phục tráng giống tòi Lý Sơn;	Tỉnh		Sở NN&PTNT
		2 loài động vật	+ Hỗ trợ xây dựng các mô hình nuôi thuần chủng: Gà Hre; Lợn Kiềng Sắt bản địa.			
Chỉ thị /thông số áp lực						
11	Diện tích đất/mặt nước của mỗi khu BTTN (rừng đặc dụng, biển, vùng nước nội địa) bị chuyển đổi mục đích sử dụng					
12	Diện tích bị cháy	ha	58.87	Tỉnh	2014	Sở NN&PTNT
13	Số lượng các loài sinh vật ngoại lai xâm hại trên địa bàn theo Thông tư số 27/2013/TTLT-BTN&MT-BNN&PTNT	5 loài cây	Ốc bươu vàng, Hải ly Nam Mỹ, Bèo tây (Lục bình), cây ngũ sắc, cây trinh nữ thân gỗ (mai dương).	Tỉnh		Sở NN&PTNT
	Số lượng các loài sinh vật ngoại lai có nguy cơ xâm hại trên địa bàn theo Thông tư số 27/2013/TTLT-BTN&MT-BNN&PTNT	1 loài động vật	Chồn nhung đen	Tỉnh		Sở NN&PTNT

14	Số vụ vi phạm Luật bảo vệ và Phát triển rừng; Luật Đa dạng sinh học					
	- Lâm sản bị tịch thu (gỗ, động vật rừng hoang dã)	m ³	274.35	Tỉnh	2014	Sở NN&PTNT
	- Diện tích rừng bị phá (loại rừng: đặc dụng, phòng hộ, sản xuất)	ha	8.320			
	+ Rừng phòng hộ	ha	5.605			
	+ Rừng sản xuất	ha	2.715			
Chỉ thị/thông số lợi ích						
29	Sản lượng gỗ và lâm sản ngoài gỗ			tỉnh	6 tháng đầu năm 2015	Sở NN&PTNT
	- Sản lượng gỗ khai thác từ RT	m ³	300.000 m ³ , chủ yếu gỗ keo (rừng trồng)			
30	Sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản			tỉnh	2014	Sở NN&PTNT
	- Thủy sản nước lợ	tấn	4.576 tấn, đối tượng nuôi là tôm thẻ chân trắng, tôm sú, cua, cá chêm,...			
	- Thủy sản nước ngọt	tấn	1.126 tấn, đối tượng nuôi là cá mè, cá trôi, cá chép, cá trắm,....			
	- Thủy sản nước mặn	tấn	85 tấn, đối tượng nuôi là tôm hùm, các loại cá, nuôi tôm hùm phát triển mạnh từ năm 2014			
31	Loại hình và số tiền thu được tương ứng từ mỗi loại hình chi trả dịch vụ môi trường rừng	tỷ đồng	tổng số tiền ủy thác chi trả DVMTR thu được là: 0,85 tỷ đồng/4 tỷ đồng, đạt 21,25% kế hoạch.	tỉnh	6 tháng đầu năm 2015	Sở NN&PTNT